

ĐỘI NGŨ NHO HỌC Ở NAM BỘ VÀ SỰ PHÂN HÓA VỀ MẶT TƯ TƯỞNG

(Cuối thế kỷ 18 đến giữa thế kỷ 19)

Trần Kim Nhung

Trường Đại Học Khoa Học Xã hội & Nhân văn

(Bài nhận ngày 24/04/1999)

TÓM TẮT : Dựa trên những nguồn sử liệu phong phú, khi nghiên cứu về những trí thức Nho học nổi tiếng ở Nam Bộ vào cuối thế kỷ 18 đến giữa thế kỷ 19, đặt trong bối cảnh lịch sử đất nước đang bị thực dân Pháp xâm lược, tác giả đã phân tích sự phân hóa về mặt tư tưởng của đội ngũ trí thức Nho học với bốn xu hướng khác nhau. Các xu hướng tư tưởng này cũng phản ánh tâm trạng chung của trí thức Nho học Nam Bộ lúc bấy giờ.

1. Sự ra đời của đội ngũ trí thức Nho học ở Gia định xưa

Theo các tài liệu được biết tới nay thì chưa cho phép khẳng định một cách chính xác thời điểm mà di dân người Việt đầu tiên dừng chân ở Gia Định, càng chưa cho phép tìm hiểu một cách chi tiết sự hình thành và phát triển trong thời kỳ đầu của Nho giáo ở địa phương.

Điều mà đến nay có thể nói được là cùng với sự có mặt của người Việt trên đất Gia Định thì đội ngũ sĩ phu Nho học của Gia định cũng ra đời, tất nhiên sớm muộn thế nào cũng là một chuyện phải bàn. Phàm đã có người thì tất có việc dạy người, dạy thông qua thầy, dạy thông qua trường lớp và do vậy những trường lớp, những nhà Nho của đất Gia Định cũng đã xuất hiện. Đến đây, ta chưa biết ai là người đầu tiên mở trường Nho học tại đây, nhưng thông qua những thư tịch cổ, đã thấy nổi bật lên hai tên tuổi khá đặc biệt.

Thứ nhất là Đặng Đức Thuật, ông sinh và mất năm nào, quê ở đâu không ai rõ, chỉ biết là ông đã từng sống ở vùng đất thuộc

tỉnh Bình Thuận ngày nay, và di cư vào Gia Định rồi mở trường dạy học. Đặng Đức Thuật là một nhà Nho khá đặc biệt, thư tịch cổ chép rằng, ông dạy người chủ yếu là dựa vào những bài học, những kinh nghiệm rút ra từ sử sách. Theo ông, sử là tất cả, là môn học có ý nghĩa cực kỳ to lớn đối với mỗi con người, nhân cách được rèn luyện từ đó và tri thức cũng hình thành nên từ đó. Vì ông chuyên chú về sử nên người đương thời gọi ông là Đặng Gia Sử Phái, nghĩa là sử phái của nhà họ Đặng.

Thứ hai là Võ Trường Toản, ông là người huyện Bình Dương, nổi tiếng thông minh, hiếu học, kinh sử uẩn súc, chưa rõ là ông sinh năm nào, song ông là một nhà giáo rất được dân Gia Định đương thời tôn kính, người ta gọi ông là Võ Tôn sư nghĩa là bậc thầy tôn kính người họ Võ. Võ Trường Toản cũng dạy Nho học nhưng cách dạy của ông có khác, ông chuyên chú về chữ Đức, dạy người bắt đầu từ chữ Đức và tạo ra nhận thức cao nhất cho con người cũng là ở chữ Đức. Tất nhiên để dạy chữ Đức, ông đúc kết tri thức từ nhiều sách vở khác nhau, trong đó có sử, nhưng ông

không phải chỉ chuyên chú về sử như Đặng Đức Thuật.

Cả Đặng Đức Thuật, Võ Trường Toản và nhiều nhà giáo khác, tuy mỗi người một vẽ nhưng tất cả họ đều có một điểm giống nhau, đó là mở trường dạy học, dạy người nên người, không ai trong số họ có mục đích là dạy cho người đi thi. Điều này cũng phản ánh một thực tế khách quan rất đáng lưu ý, đó là ngày xưa, việc học là của học trò, việc dạy là của nhà giáo, nhưng việc thi cử thì không phải là của nhà nước.

Lúc này, chúa Nguyễn ở Đàng Trong rất ít tổ chức thi cử, nếu có thì chỉ cũng tổ chức ở các vùng gần với trụ sở của chúa Nguyễn, tức là vùng gần Thừa Thiên - Huế ngày nay, chứ đất Nam kỳ, đất Gia Định thì hầu như không có ai đi thi cả. Học mà không thi thì họa để làm gì ?

Theo thư tịch cổ thì người xưa đi học là để làm người, học là để biết cách đối nhân xử thế chứ không nặng về hư danh như những nơi khác, những nơi khác ở đây có thể kể đến đất của chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, người ta đi học để đi thi, thi đỗ để làm quan, con đường học của họ gắn liền với thi cử và danh vọng, khác hẳn với việc học ở đất Gia Định xưa.

Vì học là để làm người chứ không phải để làm quan nên Gia Định xưa có một hiện tượng rất đặc biệt mà không miền đất nào có được, đó là cha mẹ chọn thầy giáo cho con, tất nhiên là chọn thầy giỏi, có tiếng tăm và đặc biệt nữa là cha mẹ chọn sách rồi nhờ thầy dạy cho con bằng sách mà họ đã chọn. Hiện tượng này rất độc đáo và không giống ở đâu. Sách mà họ chọn là Minh Tâm Bửu Giám (Minh nghĩa là sáng, tâm nghĩa là lòng, tâm hồn. Bửu là quý giá, Giám là cái gương; Minh Tâm bửu giám là cái gương quý giá để soi sáng lòng). Sách này rất phù hợp với việc dạy làm người.

Cuối thế kỷ XVIII, khi Nguyễn Anh chiếm đất Gia Định, ông tìm cách xây dựng và củng cố chính quyền đầu tiên của mình và Nguyễn Anh đã sớm đưa ra chủ trương đào tạo và sử dụng tầng lớp nhà Nho. Các sử thần nhà Nguyễn đã chép : “Vua rất chú ý nghệ văn, thường lấy sự bồi dưỡng nhân tài làm việc gấp” khi viết về sự kiện Nguyễn Anh ra lệnh miễn binh dịch và lao dịch cho học trò cuối năm 1788 (nên nhớ rằng đến năm 1802, chính quyền Gia Định vẫn áp dụng một hệ thống chính sách kinh tế xã hội nhằm bóc lột triệt để nhân dân Nam bộ qua thuế khóa và lao dịch, điều đó khiến ta mới thấy hết ý nghĩa của việc ưu đãi những người có học nói trên). Để có quan lại cho chính quyền, Nguyễn Anh đã tổ chức các khoa thi, khó mà thống kê được có bao nhiêu khoa thi và bao nhiêu người đỗ, tuy nhiên có thể kể đến một số trí thức Nho học có được qua các kỳ thi trên, đó là Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh, Lê Quang Định.....nói là thi đỗ nhưng bằng cấp thì chưa rõ.

Trịnh Hoài Đức thuộc dòng dõi Minh Hương, mới nhập Việt tịch đời thứ hai, phụ thân là ông Trịnh Khánh, là người học rộng tài cao, rất được chúa Nguyễn ưu đãi. Bố chết lúc ông 10 tuổi, gặp lúc Tây Sơn nổi dậy, ông cùng mẹ đưa nhau về Phiên Trấn (tức Gia Định) rồi theo học thầy Võ Trường Toản. Trịnh Hoài Đức được triều đình tin cậy và giao cho việc chấm thi tiến sĩ. Ông đã viết sách GĐ thành thông chí và Cẩn trai thi tập.

Ngô Nhân Tĩnh người Minh Hương, huyện Bình Dương, có tài mẫn tiệp, được chúa Nguyễn trọng dụng, có làm Nhữ Sơn nhi tập để đời.

Lê Quang Định vốn mồ côi từ nhỏ phải lưu lạc vào Nam, mưu toan sinh kế.

Lê Quang Định, Ngô Nhân Tĩnh và Trịnh Hoài Đức về sau thực sự trở thành những tên tuổi lừng danh của đất Gia Định, là những người có đóng góp cho văn hiến của đất nước.

Nhìn chung những khoa thi Nho học đầu tiên đã xuất hiện ở đất Gia Định, đó là những khoa thi chưa chính quy, học vị chưa có quy củ nên ta xem như một hiện tượng khá độc đáo của Nho học ở Nam Bộ. Dần dần cùng với sự giao lưu văn hóa trong hoàn cảnh chiến tranh dẫn đến hiện tượng một số nhà Nho ở Trung, Bắc chống chính quyền Tây Sơn, lần lượt tìm vào Nam theo Nguyễn Anh, tình hình học tập và trình độ học vấn chung ấy đã tạo ra cơ sở học thuật đảm bảo cho sự phát triển toàn diện hơn của Nho giáo ở Gia Định, đồng thời ảnh hưởng không nhỏ đến tầng lớp Nho sĩ địa phương, mà biểu hiện chính trị là việc họ ủng hộ cuộc chiến tranh phong kiến chống Tây Sơn. Qua đó ta thấy được cả chính sách khôn khéo và công phu của triều Nguyễn trong việc lôi kéo những nhà khoa bảng cũ để sử dụng cho mục đích ổn định chính quyền. Đây cũng là quá trình thanh lọc Nho sĩ ở đất Nam bộ thời Nguyễn vậy.

Tới đầu thế kỷ XIX, khi mà triều Nguyễn được dựng lên, việc học Nho học ở Nam bộ có nhiều chuyển biến mới, không khí Nho học trở nên mới mẻ hơn với sự xuất hiện của một thi xã, đó là Bình Dương thi xã hay còn gọi là Sơn Hội). Đây cũng là thi xã của những người vừa đắc thắng trong cuộc chiến tranh chống lại Tây Sơn, là những người cảm thấy rất mãn nguyện vì mình đã đi qua một cuộc trường chinh và cuối cùng chính mình thuộc về phe chiến thắng. Bình Dương thi xã là thi xã của những nhân vật có vai vế trong chính quyền Gia Long. Ví dụ như Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh, Lê Quang Định,

được mệnh danh là Gia Định Tam gia thi. Sơn Hội là tổ chức sáng tác văn học : mục đích sáng tác, tư tưởng chủ đạo sáng tác, thể loại sáng tác, chúng ta chỉ dừng lại ở nhận định là sự ra đời của Bình Dương thi xã vừa là kết quả của một quá trình phát triển giáo dục Nho học, lại đồng thời là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của giáo dục Nho học ở giai đoạn sau, nó là kết quả của chặng trước đồng thời cũng là nguyên nhân của chặng sau. Từ đây, không khí học Nho học trở nên mạnh mẽ, khác hẳn với giai đoạn trước, trên cơ sở đó, một hiện tượng mới đã xuất hiện.

Đó là năm 1813, lần đầu tiên trên đất Gia Định có một trường thi Hương Gia Định, trường này tọa lạc ở vị trí nay là Nhà Văn hóa thanh niên Thành phố Hồ Chí Minh. Sự ra đời của trường thi Hương Gia Định có nhiều tác dụng đáng chú ý :

-Thứ nhất là nó cổ vũ mạnh mẽ việc học của thanh niên ở đất Gia Định.

-Thứ hai là nó góp phần làm thay đổi hẳn cách học của thanh niên xưa, trước học là để làm người, để biết phép đối nhân xử thế, nay học là để đi thi, để đỗ đạt và làm quan. Học để làm quan là một lý tưởng rõ rệt, Vì học để làm quan nên người ta bắt đầu nghiên ngẫm một cách kỹ lưỡng những kinh điển của Nho gia như Ngũ Kinh, tứ Thư, Bách gia chư tử, Bắc sử,..... Nghĩa là uốn mình theo khuôn phép việc học – để thi và làm quan, cách học đã khác hẳn trước rồi.

Việc ra đời của trường thi Gia Định làm cho việc học tập và giáo dục Nho học của Gia Định nói riêng hòa nhập với việc học tập và giáo dục Nho học của cả nước nói chung. Từ đây một đội ngũ sĩ phu cả nước đã có những nét tương đồng dễ nhận. Trường thi Hương Gia Định có một vai trò rất quan trọng, với hơn 20 khoa thi,

trường đã chọn được khoảng 300 người đỗ cử nhân và đồng đảo người đỗ tú tài, từ đó đã góp phần đào tạo nên một đội ngũ sĩ phu có bằng cấp của đất Gia Định, đó là Bạch Mai Thi Xã. Bạch Mai Thi Xã là thi xã thứ ba của đất Gia Định (Thi Xã thứ nhất là Chiêu Anh Các, do Mạc Thiên Tứ tạo dựng vào nửa đầu thế kỷ XVIII (1736), thi xã thứ hai là Bình Dương thi xã ra đời vào đầu thế kỷ XIX và thi xã thứ ba là Bạch Mai thi xã ra đời sau đó ½ thế kỷ).

Bạch mai thi xã là nơi quy tụ đội ngũ trí thức Nho học, họ đã cùng nhau xướng họa, ngâm vịnh để ca ngợi thiên nhiên, ca ngợi thú vui của kẻ sĩ. Sự quy tụ này trước hết dựa trên cơ sở đồng nhất giữa giáo dục và thi cử, sự đồng nhất về mặt tư tưởng, về những rung cảm đối với cuộc sống mới. Người đầu tiên có công chuẩn bị cho sự ra đời của Bạch Mai thi xã là ông Trương Hảo Hiệp, và sau đó là sự tham gia đầy nhiệt huyết của một loạt sĩ phu : Phan Văn Trị, Nguyễn Đình Chiểu, Huỳnh Mẫn Đạt, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Hữu Huân. Cần thấy rằng Bạch Mai thi xã ra đời khi nhà Nguyễn đang đứng trước những thử thách mới đầy cam go, ác liệt. Bấy giờ, bên ngoài thì chủ nghĩa thực dân phương Tây ngày đêm ráo riết dòm ngó, bên trong thì sự mâu thuẫn và xung đột diễn ra ngày một sâu sắc. Trong bối cảnh như vậy, Bạch Mai thi xã khó mà có được không khí hân hê như là Bình Dương thi xã trước đó. Bạch Mai thi xã – đang hoạt động bình thường với không ít những thành tựu đáng ghi nhận, thì xuất hiện một sự kiện ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống chính trị cả nước và tất nhiên đối với tổ chức cũng như sinh hoạt của Bạch Mai thi xã, đó là sự kiện thực dân nổ súng xâm lược nước ta.

Bạch Mai thi xã tan rã khác với hai đợt trước vì nó gắn liền với tác động ngoại lai

(thực dân Pháp xâm lược) chứ không phải vì tác động nội thân. Bạch Mai thi xã tan rã cũng là bắt đầu cho quá trình phân hóa của đội ngũ trí thức Nho học ở Nam bộ và hình thành nên một trào lưu văn học mới của đất Gia Định đó là trào lưu văn học yêu nước và chống Pháp.

2. Sự phân hóa của đội ngũ trí thức Nho học ở Nam bộ nửa sau thế kỷ XIX.

Trước một biến cố của đất nước, mỗi người có cách nhìn nhận và đánh giá khác nhau, từ đó đã dẫn mỗi người đến với một vị trí khác nhau trong lịch sử. Sự kiện thực dân Pháp xâm lược nước ta đã đặt giới trí thức Nho học ở Gia Định đứng trước sự phân hóa sâu sắc. Nguyên nhân của sự phân hóa, ngoài lý do chính là sự xâm lược của thực dân, còn là thái độ bạc nhược của triều đình nhà Nguyễn, mức độ tác động của các phong trào yêu nước và sự bất cập ngày càng rõ rệt của ý thức hệ Nho giáo trước những vấn đề lớn của xã hội.

Sự phân hóa về mặt tư tưởng của đội ngũ trí thức Nho học ở Nam bộ thể hiện qua các xu hướng sau đây :

2.1 Xu hướng thứ nhất :

Gồm những người căm giận thực dân cướp nước và hăng hái đứng về phía phong trào đấu tranh chống Pháp. Xu hướng này gồm nhiều mức độ khác nhau :

-Mức độ 1 là : những người cầm vũ khí chống Pháp hoặc đứng hẳn về phía lực lượng vũ trang chống Pháp như : Nguyễn Hữu Huân, Hồ Huân Nghiệp.....

Nguyễn Hữu Huân người làng Tịnh Hà, huyện Kiến Hưng, tỉnh Mỹ Tho, ông đỗ thủ khoa khoa Nhâm tý (1852) triều Tự Đức, làm chức giáo thụ huyện Kiến Hưng. Khi giặc Pháp bắt đầu xâm lược Nam kỳ, ông đứng ra mộ quân khởi nghĩa, dân chúng theo rất đông, địa bàn trải dài suốt từ Tân An đến Mỹ Tho. Trước sau Thủ

Khoa Huân bị giạt bắt đến ba lần, chúng ra sức dụ dỗ, mua chuộc nhưng hoàn toàn thất bại trước thái độ cứng rắn của ông.

Trước giờ đem ông ra hành quyết, giặc bắt ông ngồi trên mũi thuyền, chở đi đến đâu, giặc cho đánh trống phách vang đến đó để làm mất tinh thần dân chúng, nhưng đồng bào không những không bị mất tinh thần mà còn tỏ ra luyến tiếc vô hạn. Trong những giờ phút mỏng manh, gươm kề tận cổ, súng kề bên tai. Thủ Khoa Huân vẫn ung dung làm thơ bày tỏ tâm trạng với đồng bào qua cái gông mà giặc Pháp tròng lên cổ ông :

.....*Hai bên thiên hạ thấy hay không
Một gánh cang trường há phải gông!.....*

Rồi không để cho giặc chém đầu, ông tự cắn lưỡi mà chết :

.....*Chí quyết chết cho tan đóm
giặc*

Lẽ đâu sống chịu đứt đầu ông.

Tên tuổi Thủ Khoa Huân đã trở thành nguồn cổ vũ cho tinh thần yêu nước của nhân dân.

-Hồ Huân Nghiệp tham gia chiến đấu trong hàng ngũ của Trương Định, chẳng may bị giặc bắt, chúng ra sức dụ dỗ, tra tấn nhưng không cách nào lay chuyển được tinh thần sắt đá của ông, chúng bèn đem ông ra xử tử. Trước lúc hành hình, ông sửa khăn áo chỉnh tề, ung dung đọc 4 câu thơ :

*Thấy nghĩa lòng đâu dám hững hờ
Làm trai ngay thẳng quyết tôn thờ
Thân này sống chết không màng nhắc
Thương bấy mẹ già tóc bạc phơ.*

(Bảo Định Giang dịch)

-Mức độ thứ hai gồm những người không phải là lãnh tụ cũng không phải là người trực tiếp tham gia vào phong trào cứu nước nhưng họ cầm bút và dùng ngòi bút sắc bén của mình làm vũ khí chống thực dân Pháp. Ngòi bút của họ đã thực sự

góp phần cổ vũ mạnh mẽ cho ý chí đánh giặc. Đó là những tên tuổi lừng danh : Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị, Lê Quang Chiểu,.....

Nguyễn Đình Chiểu sinh năm 1822, tại làng Tân Khánh huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định. Cha ông là Nguyễn Đình Huy người gốc ở Thừa Thiên, làm thư lại ở Tả quân dinh Lê Văn Duyệt.

Năm 1843 Nguyễn Đình Chiểu đỗ tú tài tại Gia Định.

Năm 1846 ông ra Huế học thêm để chờ khoa thi Hội, nhưng được tin mẹ mất, ông vội trở về Gia Định để chịu tang. Vì đường xa mệt nhọc, vì khóc thương mẹ nên ông bị bệnh mù mắt. Khi mãn tang mẹ ông mở trường dạy học ở Gia Định, học trò theo rất đông.

Năm 1859, giặc Pháp bỏ Đà Nẵng đánh vào Gia Định, Đồ Chiểu về Cần Giuộc, Cần Giuộc bị chiếm, ông đành phải về náu ở Ba Tri (Bến Tre).

Trước cảnh nước nhà nghiêng ngửa, dù đôi mắt bị lòa, Nguyễn Đình Chiểu vẫn không xa rời cuộc chiến của nhân dân. Với tấm lòng yêu quê hương nồng nàn, ghét cay đắng bọn cướp nước và bán nước, ông đã dùng ngòi bút của mình để tuyên truyền với kẻ thù :

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.*

Nguyễn Đình Chiểu làm rất nhiều thơ, văn tế, hịch, góp phần không nhỏ vào việc động viên cổ vũ nhân dân chiến đấu chống kẻ thù chung. Những tác phẩm có giá trị của ông như Lục Vân Tiên, Ngư tiều vấn đáp ý thuật, Dương từ Hà mậu.....đã trở thành tài sản văn học quý giá của nhân dân.

Phan Văn Trị người làng Hanh Thông, tỉnh Gia Định, từ thuở nhỏ đã nổi tiếng học giỏi, thơ hay. Năm 20 tuổi, ông đỗ cử nhân,

vì chẳng có chức tước gì ở triều đình nên người ta thường gọi ông là Cử Trị. Phan Văn Trị là học trò của cụ Đồ Chiểu, lại là một trong những người cộng tác đắc lực với Nguyễn Đình Chiểu trong việc dùng ngòi bút chống Pháp. Ông được coi là người phát ngôn của phong trào yêu nước chống Pháp nữa sau thế kỷ XIX ở Nam Bộ. Thơ ông không trao trối nhưng thể hiện tình cảm mạnh mẽ, có khí phách hiên ngang, có quyết tâm cao độ, có ý thức sắt đá. Nói theo cách nói của ông đối với bọn cướp nước thì :

"Trân trọng lời vàng đáng mấy thoi"

Đứng trên lập trường chính nghĩa đầy quang minh, chính đại, Cử Trị chẳng những hợp đồng tấn công ráo riết kẻ thù, mà ông còn phản công để giành chủ động, bắt kẻ bán nước vô sĩ đội lốt nhà văn như Tôn Thọ Tường phải hạ vũ khí.

Một trong những bài bút chiến giữa Phan Văn Trị và Tôn Thọ Tường đó là : Tôn phu nhân quy thực. Bài thơ của cử Trị họa lại bài thơ của Tôn Thọ Tường rất được công chúng Nam Bộ tán thưởng. Mượn sự tích Tôn phu nhân quy Thực (em gái Tôn Ngô Quyền theo chồng là Lưu Bị về Thực), Tôn Thọ Tường muốn ký thác tâm sự của mình bằng những câu phân bua có tính khẳng định :

*Cật ngựa thanh gươm vịn chữ lòng
Ngàn năm rạng tiết gái Giang Đông
Lìa Ngô bịn rịn chòm râu bạc.
Về Hán trau tĩa mảnh má hồng
Son phấn thà đem dày gió bụi
Đá vàng chi để thẹn non sông
Ai về nhắn với Châu Công Cảnh
Thà mất lòng anh, đừng bụng chồng
(Tôn Thọ Tường)*

Bài thơ họa của Cử Trị đã vạch trần bộ mặt giả dối của Tôn Thọ Tường :

*Cài trâm sửa tráp vịn câu tòng.
Mặt già trời chiều biệt cõi đông
Ngút tỏa vàng Ngô in sắc trắng
Duyên về đất Thực đượm màu hồng
Hai vai tơ tóc bên trời đất,
Một gánh cang thường nặng núi sông
Anh hỡi Tôn Quyền, anh có biết,
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng.
(Cử Trị)*

Cuộc ctập kích Tôn Thọ Tường kéo dài mấy chục năm sau, mặc dù khi ấy Tô đã chết rồi, Lê Quang Chiêu là người sau này tiếp tục làm công việc của Cử Trị, ông viết tiếp 10 bài thơ họa lại được xem là hậu bút chiến đối với tư tưởng đầu hàng của Thọ Tường, tư tưởng can tâm làm tay sai cho Pháp vẫn còn phảng phất.

Lê Quang Chiêu không đỗ đạt gì, ông từng được cử làm cai tổng nên thường được gọi là Cai Tổng Chiêu. Cai Tổng tuy là chức dân cử nhưng lại có vị trí lớn trong xã hội cũ, theo quan chế cũ, đây là chức có điều kiện để vợ vét và làm giàu, nhưng Quang Chiêu đã từ chức để cầm bút, lời lẽ công kích của ông so với Cử Trị tuy không sắc bén bằng nhưng cũng khá mạnh mẽ. Lê Quang Chiêu còn là tác giả của công trình "Quốc âm thi hợp tuyển", tuyển chọn, giới thiệu một số tác phẩm của các sĩ phu Nam bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

2.2. Xu hướng thứ hai

Đây là xu hướng của những người yêu nước, nhưng vì hoàn cảnh riêng buộc phải cộng tác với triều Nguyễn. Cuộc đời họ có hai nữa : nữa gắn với triều đình, nữa gắn với phong trào yêu nước của nhân dân. Họ đã nói tiếng nói đầy tình cảm nồng hậu đối với phong trào yêu nước nhưng bản thân họ lại không có đủ nghị lực, không đủ can đảm để từ bỏ quan chức, từ bỏ cộng tác với

triều Nguyễn để đến với phong trào yêu nước một cách hần hoi....Trong số những người này nổi bật lên có hai nhân vật : Huỳnh Mẫn Đạt và Bùi Hữu Nghĩa.

-Huỳnh Mẫn Đạt sinh năm 1807 là người ở Rạch Giá (có sách chép quê ông là Huyện Tân Long, tỉnh Gia Định). Sau khi thi đỗ cử nhân, ông làm quan dưới triều Tự Đức. Nhờ tính thanh liêm, ông được nhân dân quý trọng, ông thích ngâm vịnh, nổi tiếng giỏi thơ nôm ở đất Đồng Nai.

-Bùi Hữu Nghĩa là một trong những người bạn chí thân của Huỳnh Mẫn Đạt, vừa là bạn tâm giao, vừa là bạn thơ. Huỳnh Mẫn Đạt đã dự phần đóng góp vào việc hoàn thành bản tuồng "Kim - Thạch kỳ duyên" của Hữu Nghĩa. Cuộc đời của Bùi Hữu Nghĩa ba chìm, bảy nổi vì tính cương trực và liêm khiết của mình. Hữu Nghĩa đỗ thủ khoa năm Ất Ty (1835) được bổ làm tri phủ Phước Long. Xuất thân từ gia đình nghèo khó nên ông rất thông cảm với người nghèo và hay bênh vực quyền lợi của họ, ông cũng được nhân dân rất mực thương yêu và quý mến.

Cả hai ông đã để lại cho đời nhiều tác phẩm có giá trị, ngoài giá trị nghệ thuật, còn phản ánh đậm nét mâu thuẫn xã hội thuộc thời kỳ chế độ phong kiến đang sụp đổ ở nước ta.

2.3 Xu hướng thứ ba :

Rất độc đáo và gần như chỉ thấy ở Nam bộ, đó là những người chán nản trước thời cuộc và cảm thấy đau khổ vì triều đình Huế không đủ sức, không đủ bản lĩnh và ý chí để tập hợp và huy động sức mạnh cũng như trí tuệ của nhân dân vào sự nghiệp giữ nước. Họ cảm thấy chua xót khi quê cha đất tổ bị bọn Bạch quỷ chiếm đóng, nhưng bản thân họ cũng không đủ sức để làm một cái gì đó cho cuộc đời này. Cuối cùng, họ

đã chọn con đường tỵ địa, đi tỵ nạn ở vùng đất xa bọn Bạch quỷ.

Xu hướng này quy tụ cả những người thuộc xu hướng thứ nhất và thứ hai. Khi Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông thì họ đi tỵ nạn ở miền Tây (Bến Tre). Nguyễn Đình Chiểu đã đến ẩn ở Bến Tre và xem đây là quê hương thứ hai của ông vậy.

Khi Pháp chiếm luôn ba tỉnh miền Tây, những người tỵ địa lại bỏ đất Gia Định, bỏ đất Nam kỳ lục tỉnh để chạy ra Bình Thuận, Ninh Thuận. Số này khá nhiều, trong đó có cả những sĩ phu có bằng cấp hay không có bằng cấp chịu ảnh hưởng của phong trào chống Pháp.

Phong trào tỵ địa chỉ nổi lên trong một thời gian, sau đó đã không thể tồn tại được vì cuộc xâm lược của thực dân Pháp đã lan tỏa khắp ra đất nước ta. Lúc này, chỗ nào mà chẳng có bọn Bạch quỷ, còn đất đâu mà tỵ địa nữa.

2.4 Xu hướng 4 :

Là những người đi từ chỗ hoang mang - dao động đến chỗ mất phương hướng rồi can tâm làm tay sai cho Pháp.

-Người đầu tiên có học vị cao mà làm như vậy là ông Phan Hiển Đạo, ông là một trong năm người đỗ cao của đất Gia Định (từ Phó bảng đến Tiến sĩ).

Nhưng nhân vật mất ý chí tiến thủ sớm nhất, can tâm làm tay sai cho Pháp sớm nhất là Tôn Thọ Tường. Tường không đỗ đạt gì, mấy lần đi thi vì gian lận nên bị cảnh cáo tại trường thi. Khi Pháp nổ súng xâm lược nước ta, Tường là người đầu tiên ra cộng tác với Pháp, trước đó ông từng là cây bút chủ lực của Bạch Mai thi xã, văn tài ấy lại yếu bóng vía, bạc nhược, can tâm làm tay sai cho giặc. Để bào chữa cho việc làm của mình, Tôn Thọ Tường đã làm 10 bài thơ theo thể liên hoàn, 10 bài thơ đó

liên tiếp bị phản kích từ nhiều phía, từ đó Tôn mới thôi viết.

Thực dân Pháp xâm lược, Bạch Mai thì xã tan rã, về mặt tổ chức, nhưng sau đó lại tập hợp lại, thống nhất lại về mặt tư tưởng, đó là yêu nước và chống Pháp, hầu như tuyệt đại bộ phận sĩ phu có mặt trong Bạch Mai thì xã đều đứng về phong trào yêu nước, số hợp tác và làm tay sai cho Pháp rất hiếm hoi, mà hiện tượng Tôn Thọ Tường có thể xem là cá biệt. Đó là sự kiện giữa thế kỷ 19.

Lúc đầu những người yêu nước chỉ chống Pháp, yêu nước đồng nghĩa với chống Pháp, chống Pháp bằng mọi dạng thức, bằng mọi mức độ. Đó là tất cả của chủ nghĩa yêu nước. Nhưng chẳng bao lâu sau, khi Pháp nổ súng xâm lược nước ta, khi triều đình Huế bị phân hóa thành hai phái khác nhau (chủ chiến và chủ hòa), thì sự phân hóa của đội ngũ sĩ phu Gia Định một lần nữa lại thêm sâu sắc.

-Phái chủ chiến chỉ nói được tiếng nói của khí phách không có được tiếng nói của chiến lược, chiến thuật, không có một mưu chước gì khả thi. Phái chủ chiến có đánh Pháp nhưng đánh trận nào thua trận đó, để rồi cuối cùng không thu được gì. Chính thất bại của phái này đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến xã hội.

-Còn phái chủ hòa, đây là nói cho tế nhị chứ kỳ thực hòa cái nổi gì, Pháp đến đây không phải để hòa với ta, Pháp đến đây để xâm lược, để chiếm đóng và biến nước ta thành thị trường, thành thuộc địa. Pháp đến đây để chấp nhận sự quy hàng chứ không phải đến đây để bàn một hiệp ước nào đó, nếu có một hiệp ước nào đó thì bất quá chỉ là một sự chằng đặng dừng trong một thời điểm cụ thể nào đó mà thôi. Thế nên, nói đến phái chủ hòa, cũng có nghĩa là nói đến phái bị tư tưởng bạc nhược

lũng đoạn. Phái này đã đi từ chỗ yếu hèn, bạc nhược đến chỗ quỳ gối đầu hàng. Phái này có nhiều đại diện, nhưng ở Gia Định, người đại diện cao nhất là Phan Thanh Giản. Ông là đại thần của triều Nguyễn, là người có chức vụ lớn nhất của đất Gia Định theo sự ủy thác của triều Tự Đức. Nói đến Phan Thanh Giản thì cũng phải kể đến đội ngũ quan lại dưới quyền ông, vốn rất kính trọng ông vì ông là vị tiến sĩ khai khoa của đất Gia Định, mà một tiến sĩ khai khoa thì bao giờ cũng được người ta trân trọng, đó là lẽ tự nhiên.

-Phái chủ hòa đã đi từ mức độ thấp đến mức độ cao, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn. Mức độ thấp là họ chỉ bàn đến việc hòa, còn mức độ cao là úi từ ý tưởng hòa đến chỗ khiếm nhục, thậm chí làm tay sai cho Pháp. Đội ngũ phái chủ hòa có tăng thêm vì sự thất bại liên tiếp của phái chủ chiến, tiếng nói của phái chủ chiến dần bị mất trọng lượng, ảnh hưởng của họ dần bị thu hẹp nên có những người trước đó không hề đứng ở phía chủ hòa, do thất bại của phái chủ chiến họ đã ngã về phía chủ hòa, dù trong số họ vẫn có người còn nặng lòng tiếc nuối đối với đất nước quê hương, đau lòng trước cảnh nước mất nhà tan, đất tổ quê cha bị giày xéo. Đau lòng mà không có đủ lòng kiên trường để cầm vũ khí chống giặc.

Sự phân hóa giữa hai phái trên đã gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến đội ngũ sĩ phu yêu nước ở Nam Bộ. Nếu như trước đây, họ yêu nước tức là yêu cuộc sống thái bình, yêu những thú vui kẻ sĩ. Khi Pháp xâm lược, nếu yêu nước là chống Pháp, thì đến đây, nội dung của lòng yêu nước được mở rộng hơn, mới hơn : yêu nước là vừa phải chống Pháp vừa phải chống tập đoàn can tâm làm tay sai cho Pháp. Đó là điều day dứt đối với kẻ sĩ, bởi vì nói tới kẻ sĩ là nói

tới ái quốc gắn liền với trung quân nữa. Ai quốc trung quân đã trở nên xa lạ với nhau, thậm chí là xung đột với nhau, nên những người ra trận thật là khó xử, rất khó xử. Nguyễn Đình Chiểu từng viết về Trương Định :

“ Bồi lòng dân chúng chẳng nghe Thiên Tử chiếu, đón ngăn mấy dặm mã tiền, theo bụng dân phải nhận tướng quân thù, gánh vác một phương khốn ngoại”; nghĩa là lúc này, lòng dân không còn hợp với ý vua, ý triều đình nữa. Vua Tự Đức hạ lệnh cho Trương Định phải giải giáp, bản thân Trương Định cũng có lúc do dự, nhưng nhân dân đã đứng ra ngăn ngừa ông lại, không nhận chiếu Thiên tử mà nhận lấy trọng trách của nhân dân trao phó, đó là trọng trách lãnh đạo cuộc kháng chiến. Trương Định đã đứng về phía nhân dân và không ít sĩ phu đã cổ vũ cho ý thức đặc biệt ấy. Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị..... và nhiều cây bút khác, đã cổ vũ mạnh mẽ cho sự lựa chọn của Trương Định, cũng tức là cổ vũ cho sự lựa chọn của chính họ.

Một cuộc chiến đấu quyết liệt đã diễn ra trên đất Gia Định trên nhiều mặt trận quân sự, văn học và những mặt trận khác.

Nhiều người nói tới Bạch Mai thi xã như nói tới một thi xã, thực ra vai trò của Bạch Mai trước khi Pháp xâm lược đã là lớn, mà ảnh hưởng của nó sau khi chính nó không còn nữa, có lẽ lại càng lớn hơn. Những thành viên của Bạch Mai đã đứng về phía những người yêu nước, cổ vũ mạnh mẽ cho phong trào yêu nước chống Pháp, từ chỗ cổ vũ cho phong trào này, họ đã tiến tới chống tư tưởng đầu hàng bạc nhược của triều đình.

Tóm lại, đội ngũ trí thức Nho học ở Nam Bộ, từ khi mới hình thành cho đến cuối thế kỷ XIX có những đặc điểm đáng lưu ý sau :

Từ đầu thế kỷ XIX, việc học của họ hoàn toàn thay đổi, nếu trước đó học để làm người, để đối nhân xử thế, thì từ năm 1813, họ học để đi thi, để làm quan. Lý tưởng ấy ngày một rõ. Đây là sự chuyển biến tự nhiên, khiến cho sĩ phu Nam Bộ hòa nhập với đội ngũ sĩ phu cả nước; sĩ phu Nam Bộ đã nhanh chóng hội nhập với xu thế chung của cả nước.

Ngay khi trở thành một lực lượng sĩ phu thực sự, sĩ phu Gia Định đã tìm được tiếng nói riêng của mình. Nếu như Bình Dương thi xã là tiếng nói đầu tiên của những người đắc thắng thì Bạch Mai thi xã là tiếng nói thực sự có bản sắc riêng. Nếu như lúc bấy giờ cả nước không có một thi xã nào có tầm vóc như Bạch Mai, thì ở trên đất Gia Định còn sơ khai đã có một thi xã như thế. Thơ của Bạch Mai thi xã là tiếng nói riêng của sĩ phu Nam Bộ, thơ ca ngợi thiên nhiên, ca ngợi những tấm gương anh hùng tiết tháo, tất nhiên là anh hùng tiết tháo theo quan niệm của sĩ phu đương thời, thơ ca ngợi thú vui của kẻ sĩ. Tiếng nói ấy lạ lẫm, tiếng nói ấy, lúc đó không thể tìm thấy ở các địa phương khác, về phương diện cá nhân có thể thấy ở khắp nơi, nhưng về phương diện tập thể, tổ chức, thì ta không thấy ở bất kỳ địa phương nào.

Khi thực dân Pháp nổ súng, đội ngũ sĩ phu Gia Định đã phân hóa thành nhiều xu hướng, nhưng tuyệt đại đa số đều là yêu nước và chống Pháp ở các dạng thức khác nhau. Điều đáng nói là họ đã đi từ chỗ yêu nước chống Pháp đến chỗ chống lại sự đầu hàng, phản bội và không ngần ngại chống lại cả triều đình, đập đổ thành trì tư tưởng trung quân ái quốc của Nho giáo bao đời. Từ đây, bắt đầu cho một quá trình phân hóa khác với những mức độ mới mẽ hơn và cũng triệt để hơn.....

**PHILOSOPHICAL DIFFERENCES BETWEEN CONFUCIAN SCHOLARS OF THE LATE
18TH – MID 19TH CENTURY IN SOUTHERN VIETNAM**

Tran Kim Nhung

ABSTRACT : Drawing on a rich source of historical material and against the background of the French occupation, the writer examines the reasons behind the philosophical differences between the Confucian scholars of Southern Vietnam from the late 18th to the mid 19th centuries. The writer examines four different trains of thought reflecting the inner world of these scholars